TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2020/ DS-ST
Ngày 30/7/ 2020
"V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Đình Ghi và bà Trần Thị Thanh Xuân.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2018/TLST-DS ngày 10/9/2018, về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020; Thông báo chuyển ngày xét xử số 16/2020/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên toà số 127/2020/QĐST-DS ngày 13/7/2010, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H***, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Sơn H, sinh năm 1977. Địa chỉ: 30 đường T, phường T, thành phố Huế (theo Giấy uỷ quyền ngày 01/11/2018). Có mặt.

- *Bị đơn*: *Anh **Nguyễn Mạnh H***, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Lê Trần Uyên T, sinh năm 1981. Địa chỉ: 156 đường N- thành phố Huế (theo Giấy uỷ quyền ngày 18/3/2019). Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1976. Địa chỉ: 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đức Phi H, sinh năm 1977. Địa chỉ: 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1933. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1939. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1942. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1945. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

7. Bà Trần Thị C, sinh năm 1964. Địa chỉ: 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985. Nơi ĐKNKTT: 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Địa chỉ liên lạc: 19 đường T, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.Vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1990. Nơi ĐKNKTT: 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Địa chỉ liên lạc: Thôn D, xã P, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông N, ông Q, ông B, bà H, bà C, chị H, chị Y: Chị Lê Trần Uyên T, sinh năm 1981. Địa chỉ: 156 đường N, phường P, thành phố Huế (Giấy uỷ quyền ngày 01/11/2018 và ngày 02/11/2018). Có mặt.

10. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1960. Địa chỉ: 18/2 đường D, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1990.

12. Chị Nguyễn Thị Thuỳ T, sinh năm 1992.

13. Chị Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 1994.

14. Anh Nguyễn Đức Thành L, sinh năm 1996.

15. Anh Nguyễn Đức Thành L1, sinh ngày 09/7/2004.

Cùng trú tại: Tổ 5, thôn H, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm anh L, chị T, chị L, anh L, anh L1: Bà Võ Thị S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ 5, thôn H, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo Giấy uỷ quyền ngày 20/11/2018, ngày 21/11/2018 và ngày 21/11/2019). Có mặt.

Người làm chứng: Bà Võ Thị S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ 5, thôn H, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bà Trần Thị P, sinh năm 1939. Địa chỉ: 18/2 đường D, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/10/1975, bà Trần Thị H và chồng là ông Nguyễn Đức A đã mua của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị K nhà và đất toạ lạc tại 156 (số cũ 82) đường N, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 14, đã được UBND thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BE 275343 ngày 24/9/2011. Khối tài sản chung này bao gồm 516m^2 đất ở tại đô thị gắn liền các hạng mục nhà ở đã xuống cấp.

Tháng 4/1978, chồng bà H là ông Nguyễn Đức A bị tai nạn chết và không để lại di chúc. Di sản ông A để lại là phần tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng ông A bà H là nhà và đất nói trên.

Thời điểm ông A chết (năm 1978) thì hàng thừa kế thứ nhất của ông A có 05 người gồm: Cha: ông Nguyễn Đức D; Mẹ: bà Nguyễn Thị C; Vợ: bà Trần Thị H; Hai con là Nguyễn Đức D và Nguyễn Đức Phi H.

Bố mẹ ông A là ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị C có tất cả 7 người con gồm: Nguyễn Đức N, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức B, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Đức A và Nguyễn Mạnh H.

Năm 2005, ông Nguyễn Đức D chết, đến năm 2009, bà Nguyễn Thị C chết và không để lại di chúc. Chính vì vậy, 02 kỷ phần thừa kế mà cha và mẹ chồng bà được hưởng từ khối di sản của chồng bà là ông A để lại được chia cho 08 người gồm bà C (vợ ông D) và 07 người con nói trên.

- Ông Nguyễn Minh P chết trước cha mẹ (chết năm 2004) nên 06 người con của ông Nguyễn Minh P được thừa kế thế vị gồm: Bà Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Khánh L, anh Nguyễn Đức Thành L và anh Nguyễn Đức Thành L1.

- Ông Nguyễn Đức A chết trước cha mẹ (chết năm 1978) nên 02 người con của ông Nguyễn Đức A được thừa kế thế vị gồm: anh Nguyễn Đức D và anh Nguyễn Đức Phi H.

Đến năm 2010, em ruột của ông Nguyễn Đức A là ông Nguyễn Mạnh H chết và không để lại di chúc. Theo đó, những người có quyền hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Mạnh H có 04 người gồm: Vợ: bà Trần Thị C; các con là Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim Y và Nguyễn Mạnh H.

Sau khi ông A chết và không để lại di chúc thì giữa bà H và bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H không thoả thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế ông An để lại trong khối tài sản chung của bà H và ông A. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu Toà án phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức A là

nhà và quyền sử dụng đất tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế nằm trong khối tài sản chung với bà Trần Thị H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất số BE 275343 cấp ngày 24/9/2011, có diện tích 516 m^2.

Nay bà H đề nghị xem xét cho bà được hưởng toàn bộ hiện vật là quyền sử dụng đất và các công trình gắn liền với đất thuộc khối tài sản là nhà và đất toạ lạc tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Bà H sẽ có trách nhiệm thanh toán lại bằng tiền mặt cho những người thừa kế khác tương ứng với kỷ phần mà họ được hưởng từ di sản thừa kế mà ông A để lại.

- *Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H và người đại diện hợp pháp trình bày*:

Sau khi bác ruột của anh là ông Nguyễn Đức A (chồng bà H) chết vào năm 1978, mặc dù thời gian đầu phía nguyên đơn không công nhận quyền hưởng di sản thừa kế của anh trong khối tài sản tranh chấp đã nêu trên, nhưng trong thời gian vừa qua, phía nguyên đơn đã có thái độ nhượng bộ và đã chấp nhận anh có quyền hưởng một phần di sản trong khối tài sản tranh chấp này. Do đó, anh H yêu cầu Tòa án chia phần thừa kế anh được hưởng, đồng thời anh tự nguyện tặng cho lại phần thừa kế này cho bà Trần Thị H.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Trần Thị C (vợ ông H) trình bày*: Anh trai của chồng bà là ông Nguyễn Đức A chết vào năm 1978 do bị tai nạn, không để lại di chúc và để lại di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng đất, tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế nằm trong khối tài sản chung với bà Trần Thị H, trong vụ án này, bà không có tranh chấp gì với nguyên đơn là bà Trần Thị H cũng như với bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H, con trai bà. Theo đó, phần di sản mà bà được hưởng trong khối di sản theo quy định của pháp luật thì bà tự nguyện tặng cho bà Trần Thị H. Vì thực tế khối tài sản này là do anh trai của chồng là ông Nguyễn Đức A và bà Trần Thị H tạo lập nên bà quyết định như vậy là phù hợp với đạo lý và văn hóa người Việt Nam.

- *Chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Kim Y (con ông H bà C) trình bày:* Thống nhất với lời khai của bà Trần Thị C. Đối với phần di sản mà các chị được hưởng trong khối di sản theo quy định của pháp luật thì các chị tự nguyện tặng cho bà Trần Thị H.

- *Anh Nguyễn Đức D, anh Nguyễn Đức Phi H (con ông A bà H) trình bày:* Theo các anh được biết thì tài sản là nhà và quyền sử dụng đất, thửa đất tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế đã được bố mẹ các anh là ông Nguyễn Đức A, bà Trần Thị H mua lại vào năm 1975. Năm 1978, sau khi bố các anh là ông A bị tai nạn chết và không để lại di chúc thì từ đó cho đến nay gia đình các anh vẫn sống ổn định tại căn nhà và thửa đất nói trên. Bản thân các anh không có tranh chấp gì với mẹ. Đối với phần di sản mà các anh được hưởng trong khối di sản theo quy định của pháp luật thì các anh tự nguyện tặng cho mẹ là bà Trần Thị H vì đó là toàn bộ công sức mà bố mẹ các anh đã tằn tiện, tích góp tạo lập mà có.

- Ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Đức Q trình bày: Em ruột của các ông bà là ông Nguyễn Đức A chết vào năm 1978 do tai nạn giao thông, không để lại di chúc và để lại di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng đất tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế nằm trong khối tài sản chung với bà Trần Thị H. Nhà và quyền sử dụng đất nói trên là do vợ chồng ông A bà H tạo lập, không có ai đóng góp gì nên các các ông bà không có tranh chấp gì với bà H. Nếu theo quy định của pháp luật mà các ông bà được hưởng một phần trong khối di sản nói trên thì các ông bà tự nguyện tặng cho lại cho bà Trần Thị H, các ông bà quyết định như vậy là phù hợp với đạo lý và văn hóa người Việt Nam.

Bà Võ Thị S đại diện cho anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị Thuỳ T, chị Nguyễn Thị Khánh L, anh Nguyễn Đức Thành L, anh Nguyễn Đức Thành L trình bày: Về nguồn gốc nhà đất tọa lạc tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế theo lời ông P kể lại với bà là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông A và bà H tạo lập. Qúa trình ở tại địa chỉ này thì ông A bà H có cho vợ chồng ông P và bà P ở nhờ một thời gian, ông P bà P không có đóng góp, tạo lập gì trong khối tài sản đó cả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và đất nói trên thì bà và các con của bà đều yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật, đồng thời yêu cầu được nhận phần thừa kế được hưởng bằng giá trị mà không nhận hiện vật.

Bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Ông bà nội của bà là ông D và bà C có tất cả 7 người con. Trong đó cha mẹ của bà là ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị P có 2 người con là Nguyễn Thanh B, anh trai bà (chết năm 1978) và bà. Đến năm 1989, cha của bà lấy bà Võ Thị S và sinh được 5 người con như bà S đã khai.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế nhà đất của bà H có diện tích 516 m^2 thì bà không đồng ý. Theo bà thì di sản thừa kế của ông A nằm trong khối tài sản chung với bà H chỉ có diện tích 384m^2 chứ không phải 516 m^2 như bà H đã khai, diện tích còn lại là 132m^2 là do công sức tạo lập và đóng góp của ông Nguyễn Minh P. Về nguồn gốc thửa đất trước đây là do cha bà cùng với ông Nguyễn Đức A cùng mua diện tích đất 384m^2 theo giấy viết tay năm 1975. Qúa trình sau khi mua thì cha của bà cơi nới ra hồ cá kiệt đường P với diện tích 150m^2. Trong quá trình sống tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế từ năm 1976 đến năm 2011, cha bà đã cơi nới rộng ra diện tích rất nhiều. Nay bà yêu cầu bà H phải trả lại cho bà diện tích đất đã nói trên hoặc thanh toán cho bà giá trị đất tương ứng số tiền 1.500.000.000 đồng. Bà cũng không có chứng cứ gì để chứng minh về nguồn gốc nhà đất. Đây chỉ là ý kiến của bà và bà không có yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hàng thừa kế và quan hệ huyết thống thì bị đơn và tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nêu trên đều thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn.

Người làm chứng bà Trần Thị P trình bày:

Bà là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Minh P, quá trình chung sống vợ chồng bà có hai người con chung là Nguyễn Thanh B (sinh năm 1959, chết năm 1979) và Nguyễn Thị Thanh T, hiện đang ở với bà. Về nguồn gốc nhà đất nói trên là của

chồng bà và ông Nguyễn Đức A cùng bỏ tiền ra để đặt cọc mua nhà, sau đó ông A bỏ tiền mua thêm. Tuy nhiên việc này là do bà nghe ông P kể lại chứ bà không trực tiếp chứng kiến việc mua bán, nhận chuyển nhượng và góp tiền để tạo lập nhà đất tại 156 Nguyễn H và bà cũng không có chứng cứ gì để chứng minh quyền sở hữu và sử dụng của chồng bà trong khối tài sản đó. Vợ chồng bà sinh sống tại 156 đường N, thành phố Huế từ năm 1976 đến năm 2010 thì bà chuyển về sinh sống tại 18/2 đường D, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi bà chuyển đi thì bà Trần Thị H có hỗ trợ cho bà 322.267.000 đồng để tạo lập nơi ở mới. Nay bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế thì bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hiện đang sinh sống tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế có văn bản xác nhận sau khi ông Nguyễn Đức A chết thì việc gìn giữ, bảo quản, cải tạo toàn bộ khối tài sản gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế đều do một mình công sức, tiền bạc bà Trần Thị H bỏ ra. Tất cả các thành viên còn lại đều do bà H cho ở nhờ và không có đóng góp nào trong việc gìn giữ, cảo tạo, sửa chữa toàn bộ khối tài sản đó.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu và trình bày của mình như đã nêu trên.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật , đại diện Viện kiểm sát nh ân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần kiến nghị.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 623 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 26/2018/AL; Khoản 4, Điều 36 Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huê.

Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức A để lại là ½ giá trị nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế; Tổng giá trị di sản để lại là 16.993.589.925 đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đức A có 05 người gồm: Cha: ông Nguyễn Đức D; Mẹ: bà Nguyễn Thị C; Vợ: bà Trần Thị H; Hai con là Nguyễn Đức D và Nguyễn Đức Phi H; Ông D, bà Còn chết nên các con của ông D bà C được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế; Ông Nguyễn Minh P chết nên các con của ông P được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế thế vị; Ông Nguyễn Mạnh H chết nên vợ và các con của ông H được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế.

Ghi nhận sự tự nguyện của một số người đồng thừa kế về việc tặng cho giá trị kỷ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho bà Trần Thị H được hưởng.

Giao cho bà Trần Thị H được sở hữu toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất toạ lạc tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Khánh L, anh Nguyễn Đức Thành L, anh Nguyễn Đức Thành L mỗi người là 161.843.714 đồng tương ứng với giá trị phần thừa kế mà họ được hưởng.

Buộc các đương sự phải chịu chi phí định giá và án phí theo quyết định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên toà. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thủy.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Đức D và anh Nguyễn Đức Phi H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Đây là vụ án tranh chấp về di sản thừa kế là nhà đất được mở thừa kế trước ngày 10/9/1990, nên áp dụng Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế và khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức A:

Đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức A là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế nằm trong khối tài sản chung với bà Trần Thị H có nguồn gốc là của vợ chồng ông An bà Huê tạo lập hợp pháp, đã được UBND thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BE 275343 ngày 24/9/2011. Tài sản gồm:

- Thửa đất có diện tích 516 m^2, có giá trị định giá là **33.540.000.000** đồng.

- Về nhà trên đất gồm có 06 căn nhà. Tổng giá trị là **447.179.850** đồng, cụ thể:

Nhà 1: 48,4 m^2, có giá trị 76.375.200 đồng; Nhà 2: 73,2 m^2, có giá trị 125.172.000 đồng; Nhà 3: 36,5 m^2, có giá trị 57.597.000 đồng; Nhà 4: 51,6 m^2, có giá trị 81.428.800 đồng; Nhà 5: 50,9 m^2, có giá trị 73.626.850 đồng; Nhà 6: 22,8 m^2, có giá trị 32.980.000 đồng.

Tổng giá trị toàn bộ thửa đất và các tài sản trên đất là : 33.540.000.000 đồng + 447.179.850 đồng = **33.987.179.850 đồng**.

Di sản thừa kế của ông An để lại nằm trong khối tài sản chung với bà Huê tương ứng với ½ giá trị tài sản là 33.987.179.850 đồng : 2 = 16.993.589.925 đồng. Như vậy, di sản thừa kế mà ông A để lại có tổng giá trị là **16.993.589.925 đồng**.

Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh T cho rằng: Di sản thừa kế của ông A nằm trong khối tài sản chung với bà H chỉ có diện tích 384m^2 chứ không phải 516 m^2 như bà H đã khai, diện tích còn lại là 132m^2 là do công sức tạo lập và đóng góp của ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị P (là bố mẹ của bà T) cơi nới đất công, nên bà yêu cầu bà H phải trả lại cho bà diện tích đất đã nói trên hoặc thanh toán cho bà giá trị đất tương ứng số tiền 1.500.000.000 đồng. Nhận thấy, nội dung này đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2009/DS-ST ngày 25/8/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Huế và Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2010/DS-PT ngày 25/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, về việc tranh chấp đòi lại tài sản, đã xác định toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 156 (82 cũ) đường N, phường P, thành phố Huế là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đức A và bà Trần Thị H. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà H đã tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, được UBND thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BE 275343 ngày 24/9/2011 trong đó đứng tên bà Trần Thị H là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Qúa trình giải quyết vụ án, bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, bà cũng không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về diện thừa kế và kỷ phần:

- Ông Nguyễn Đức A chết năm 1978, không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đức A gồm có: ông Nguyễn Đức D (cha); bà Nguyễn

Thị C (mẹ); bà Trần Thị H (vợ); Nguyễn Đức D (con) và Nguyễn Đức Phi H (con). Do đó, diện thừa kế của hàng thừa kế thứ nhất của ông A gồm 5 kỷ phần. Mỗi kỷ phần có giá trị thành tiền là 16.993.589.925 đồng : 5 = 3.398.717.985 đồng. Ông D, bà C, bà H, anh D, anh H mỗi người được hưởng 3.398.717.985 đồng.

- Ông Nguyễn Đức D chết năm 2005, không để lại di chúc. Di sản ông D để lại bao gồm kỷ phần mà ông D được hưởng từ ông Nguyễn Đức A gồm 3.398.717.985 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đức D gồm có: bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Đức N, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Đức Q, ông Nguyễn Đức A và ông Nguyễn Mạnh H. Do đó, diện thừa kế của hàng thừa kế thứ nhất của ông D gồm 8 kỷ phần. Mỗi kỷ phần có giá trị thành tiền là 3.398.717.985 đồng : 8 = 424.839.748 đồng. Bà C, ông N, ông P, bà H, ông B, ông Q, ông A, ông H mỗi người được hưởng 424.839.748 đồng.

- Bà Nguyễn Thị C chết năm 2009, không để lại di chúc. Di sản bà C để lại bao gồm kỷ phần mà bà C được hưởng từ ông Nguyễn Đức A và ông Nguyễn Đức D gồm 3.398.717.985 đồng + 424.839.748 đồng = 3.823.557.733 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị C gồm có: ông Nguyễn Đức Nc, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Đức Q, ông Nguyễn Đức A và ông Nguyễn Mạnh H. Do đó, diện thừa kế của hàng thừa kế thứ nhất của bà Còn gồm 7 kỷ phần. Mỗi kỷ phần có giá trị thành tiền là 3.823.557.733 đồng : 7 = 546.222.533 đồng. Ông N, ông P, bà H, ông B, ông Q, ông A, ông H mỗi người được hưởng 546.222.533 đồng.

Theo biên bản xác minh ngày 08/5/2019 tại UBND xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế xác nhận bố mẹ của ông Nguyễn Đức D và bố mẹ của bà Nguyễn Thị C đã chết trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp nên hàng thừa kế thứ nhất của ông D bà C đã được xác định như trên là đúng quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Minh P chết năm 2004, không để lại di chúc. Kỷ phần ông P được hưởng từ di sản của ông D, bà C để lại gồm: 424.839.748 đồng + 546.222.533 đồng = 971.062.281 đồng. Do ông P chết trước cha mẹ nên các con của ông P được thừa kế thế vị, hưởng kỷ phần thừa kế của ông P được hưởng từ ông D bà C gồm có: Bà Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị Thuỳ T, chị Nguyễn Thị Khánh L, anh Nguyễn Đức Thành L, anh Nguyễn Đức Thành L1. Như vậy, diện thừa kế thế vị của ông P gồm 6 kỷ phần. Mỗi kỷ phần có giá trị thành tiền là 971.062.281 đồng : 6 = 161.843.713 đồng. Bà T, anh L, chị T, chị L, anh L, anh L1 mỗi người được hưởng 161.843.713 đồng.

- Ông Nguyễn Đức A chết năm 1978, không để lại di chúc. Kỷ phần ông A được hưởng từ di sản của ông D, bà C để lại gồm: 424.839.748 đồng + 546.222.533 đồng = 971.062.281 đồng. Do ông A chết trước cha mẹ nên các con của ông A được thừa kế thế vị, hưởng kỷ phần thừa kế của ông An được hưởng từ ông D bà C gồm có: Anh Nguyễn Đức D và anh Nguyễn Đức Phi H. Như vậy, diện thừa kế thế vị của ông A gồm 2 kỷ phần. Mỗi kỷ phần có giá trị thành tiền là 971.062.281 đồng : 2 = 485.531.141 đồng. Anh D và anh H mỗi người được hưởng 485.531.141 đồng.

- Ông Nguyễn Mạnh H chết năm 2010, không để lại di chúc. Di sản ông H để lại bao gồm kỷ phần mà ông H được hưởng từ ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị C gồm 424.839.748 đồng + 546.222.533 = 971.062.281 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Mạnh H gồm có: bà Trần Thị C, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Nguyễn Mạnh H. Do đó, diện thừa kế của hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm 4 kỷ phần. Mỗi kỷ phần có giá trị thành tiền là 971.062.281 đồng : 4 = 242.765.570 đồng. Bà C, chị H, chị Y và anh H mỗi người được hưởng 242.765.570 đồng.

[2.3] Về phân chia di sản thừa kế:

Bà Nguyễn Thị Thanh T được hưởng phần thừa kế có giá trị tương đương là 161.843.713 đồng. Tại biên bản định giá ngày 18/3/2019 của Hội đồng định giá thành phố Huế thì giá trị quyền sử dụng đất của di sản thừa kế là 65.000.000 đồng/m^2, nên không có căn cứ để chia thừa kế bằng hiện vật cho bà T. Do đó, bà T được hưởng phần thừa kế bằng giá trị là 161.843.713 đồng.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị Thuỳ T, chị Nguyễn Thị Khánh L, anh Nguyễn Đức Thành L, anh Nguyễn Đức Thành L có yêu cầu không nhận hiện vật và xin nhận phần thừa kế theo giá trị mỗi người 161.843.714 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà Trần Thị H được nhận toàn bộ hiện vật là quyền sử dụng đất và các công trình gắn liền với đất thuộc khối tài sản là nhà và đất toạ lạc tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Nhận thấy, tài sản là di sản do vợ chồng bà H tạo lập, sau khi chia thừa kế thì bà H được nhận phần lớn khối tài sản; mặt khác, một số các thừa kế đã tự nguyện tặng cho phần thừa kế được hưởng cho bà H, những người thừa kế còn lại đều được chia thừa kế bằng giá trị. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cho bà được sở hữu toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất toạ lạc tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế. Buộc Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Khánh L, anh Nguyễn Đức Thành L, anh Nguyễn Đức Thành L mỗi người là 161.843.714 đồng.

Về lưu cư: Hiện nay anh Nguyễn Mạnh H, bà Trần Thị C, đang ở tại địa chỉ: 156 đường N, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, bà Trần Thị H tự nguyện cho những người nói trên được quyền lưu cư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nên cần ghi nhận.

[3] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Gồm 4.574.000 đồng, nguyên đơn là bà Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá. Nguyên đơn đã nộp 6.000.000 đồng, hoàn trả cho nguyên đơn 1.426.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thừa kế được hưởng và phần thừa kế được nhận từ những người thừa kế khác tặng cho. Tuy nhiên, do bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Khánh L, anh Nguyễn Đức Thành L, anh Nguyễn Đức Thành L mỗi người được hưởng phần thừa kế có giá trị gồm 161.843.713 đồng, nên mỗi người phải chịu án phí là 8.092.185 đồng (161.843.713 đồng x 5% = 8.092.185 đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 213, Điều 610, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 và Điểm d Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm a Khoản 7 Điều 27, Điểm đ Khoản 1, Khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị H.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức A để lại gồm ½ giá trị tài sản tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế có tổng giá trị là 16.993.589.925 đồng.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đức A có 05 người gồm: Cha: ông Nguyễn Đức D; Mẹ: bà Nguyễn Thị C; Vợ: bà Trần Thị H; Hai con là Nguyễn Đức D và Nguyễn Đức Phi H.

- Ông D, bà C chết nên các con của ông D bà C được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế của ông bà. (ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị C có tất cả 7 người con gồm: Nguyễn Đức N, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức B, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Đức A và Nguyễn Mạnh H.)

- Ông Nguyễn Minh P chết nên các con của ông P được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế thế vị của ông (ông Nguyễn Minh P có tất cả 6 người con gồm: Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thành L, Nguyễn Thị Thuỳ T, Nguyễn Thị Khánh L, Nguyễn Đức Thành L, Nguyễn Đức Thành L).

- Ông Nguyễn Mạnh H chết nên vợ và các con của ông H được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế của ông (ông Nguyễn Mạnh H có vợ và 3 người con gồm: Trần Thị C, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim Y).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế gồm ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Đức Q, bà Trần Thị C, anh Nguyễn Mạnh H, chị Nguyễn Thị Kim Y, chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Đức D, anh Nguyễn Đức Phi H tặng cho giá trị kỷ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho bà Trần Thị H được hưởng.

5. Chia hiện vật như sau:

Giao cho bà Trần Thị H được sở hữu toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất toạ lạc tại 156 đường N, phường P, thành phố Huế *(có bản vẽ kèm theo)*.

Bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Khánh L, anh Nguyễn Đức Thành L, anh Nguyễn Đức Thành L1 mỗi người 161.843.713 đồng.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H cho anh Nguyễn Mạnh H, bà Trần Thị C, hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 156 đường N, phường P, thành phố Huế, được quyền lưu cư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị H được miễn toàn bộ án phí.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Khánh L, anh Nguyễn Đức Thành L, anh Nguyễn Đức Thành L1 mỗi người phải chịu án phí là 8.092.185 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghiã vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Đức D, anh Nguyễn Đức Phi H, bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế